

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 196/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước TP số 1
 Vị trí lấy mẫu : Xưởng nước lọc tinh khiết Sowa
 Loại mẫu : Nước uống tinh khiết đóng bình - Mã số 68/T03/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 196/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 06-1:2010/BYT	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.10	-	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	<3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.49	-	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	0	TCVN 6187-1:2019
5	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	0	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc

Nguyễn Hoàng Lâm

Đỗ Quang Phương

Phạm Ngọc Dũng



Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Bản Cọ, Phường Chiềng An thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2025.03.25.82/TN



Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
 Loại mẫu : Nước đóng bình Sowa
 Số lượng mẫu : 01
 Ngày nhận mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 6-1:2010/BYT	Phương pháp phân tích
01	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/l	KPH (Lod: 0,00337)	0,02	TCCS HD – 03/01
02	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
03	Bari (Ba) (*)	mg/l	0,006	0,7	SMEWW 3125:2012
04	Bromat (*)	mg/l	< 0,001	0,01	SMEWW 4500 Br ⁻ .B
05	Clor (*)	mg/l	0,016	5	TCVN 6225 -3:2011
06	Clorat (*)	mg/l	< 0,1	0,7	SMEWW 4500 –ClO ₂ E:2012
07	Clorit (*)	mg/l	< 0,1	0,7	SMEWW 3111B:2012
08	Tổng Crom (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
09	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	1	TCCS HD – 01/01
10	Hàm lượng Cacdimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod:0,00054)	0,003	TCCS HD – 02/01
11	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,01	TCCS HD – 02/01
12	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,4	SMEWW 3113B:2017
13	Hàm lượng Selen (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
14	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/l	< 0,013	0,02	TCCS HD – 02/01
15	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
16	Xyanid (CN ⁻) (*)	mg/l	< 0,001	0,07	SMEWW 4500 CN ⁻ .C, F:2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 197/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước thành phố 1
 Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch – Nhà máy nước Bó Cá
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 69/T03/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 197/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
Các thông số nhóm A					
1	Độ đục	NTU	0.80	2	TCVN6184:2008
2	Màu sắc	TCU	< 3.7 Lod: 3.7	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.06	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.43	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019
Các thông số nhóm B					
1	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	281	300	TCVN 6224:1996
2	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH Lod: 0.024	0.05	TCVN 6178:1996
3	Pecmanganat	mg/L	0.62	2	TCVN 6186: 1996
4	Sắt	mg/L	KPH Lod: 0.1	0.3	TCVN 6177:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	0.74	2	TCVN 6180:1996

6	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	0	<1	SMEWW 9213B:2017
7	Trực khuẩn mũ xanh	CFU/ 100mL	0	<1	TCVN 8881:2011

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc






Nguyễn Hoàng Lân

Đỗ Quang Phương

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Lqd của NO₂ tính theo N.
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2025.03.25.43/TN



Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa nhà máy nước Bó Cá – XNCN TP số 1
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
01	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
02	Mùi, vị(*)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023
03	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	mg/l	< 0,12	0,3	SMEWW 4500-NH ₄ ⁺ E:2017
04	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/l	KPH (Lod: 0,00337)	0,02	TCCS HD – 03/01
05	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,003	TCCS HD – 02/01
06	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,1	TCCS HD – 01/01
07	Natri (Na) (*)	mg/l	5,3	200	SMEWW 3500 Na: 2017
08	Nhôm (Al) (*)	mg/l	0,106	0,2	SMEWW 3125B:2017
09	Seleni (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
10	Sunfat (SO ₄ ²⁻)(*)	mg/l	11,2	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E:2017
11	Benzen(*)	µg/l	< 0,30	10	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
12	Etylbenzen(*)	µg/l	< 9,0	300	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
13	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	µg/l	< 0,15	1	NIOEH.HD.H.PP.44:20 22

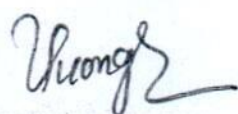
14	Styren(*)	µg/l	< 5,0	20	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
15	Toluen(*)	µg/l	< 9,0	700	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
16	Xylen(*)	µg/l	< 9,0	500	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
17	Carbofuran(*)	µg/l	< 0,01	5	EPA 531.2
18	Chlorpyrifos(*)	µg/l	< 0,01	30	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
19	Cyanazine(*)	µg/l	< 0,016	0,6	US EPA 525.3
20	DDT và dẫn xuất(*)	µg/l	< 0,016	1	TCVN 7876:2008
21	Hydroxyatrazine(*)	µg/l	<0,081	200	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
22	MCPA(*)	µg/l	< 0,35	2	NIOEH.HD.H.PP. 121:2023
23	Permethrin(*)	µg/l	<0,05	20	NIOEH.HD.H.PP. 119:2023
24	Propanil(*)	µg/l	< 0,1	20	NIOEH.HD.H.PP. 114:2023
25	Bromodichloromethane(*)	µg/l	0,90	60	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
26	Bromoform (Bromofoc) (*)	µg/l	0,83	100	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
27	Cloroform (Clorofoc)(*)	µg/l	< 0,20	300	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
28	Dibromoacetonitrile(*)	µg/l	< 0,001	70	EPA 551.1
29	Dibromochloromethane(*)	µg/l	< 0,07	100	NIOEH.HD.H.PP.115:2023

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người thực hiện

Kiểm soát

Giám đốc







Điêu Thị Thương

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). Loq: giới hạn phát hiện của phương pháp. Loq: giới hạn định lượng của phương pháp pháp "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 198/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước thành phố 1
 Vị trí lấy mẫu : Vòi nước sinh hoạt nhà Trịnh Thị Vương – Tổ 3 – P. Quyết Thắng
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 70/T03/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 198/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
Các thông số nhóm A					
1	Độ đục	NTU	0.39	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	3.77	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.06	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.35	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019
Các thông số nhóm B					
1	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	120	300	TCVN 6224:1996
2	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH Lod: 0.024	0.05	TCVN 6178:1996
3	Pecmanganat	mg/L	1.09	2	TCVN 6186: 1996
4	Sắt	mg/L	KPH Lod: 0.1	0.3	TCVN 6177:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	0.16	2	TCVN 6180:1996

6	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	0	<1	SMEWW 9213B:2017
7	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	0	<1	TCVN 8881:2011

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc






Nguyễn Hoàng Lâm

Đỗ Quang Phương

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- L_{ođ} của NO₂ tính theo N.
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2025.03.25.54/TN



Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt giữa mạng lưới XNCN TP số 1 (vòi nước sinh hoạt nhà Trịnh Thị Vương – tổ 3 – phường Quyết Thắng – TP Sơn La)
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
01	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
02	Mùi, vị(*)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 3125:2023
03	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	mg/l	< 0,12	0,3	SMEWW 4500- NH ₄ ⁺ E:2017
04	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/l	KPH (Lod: 0,00337)	0,02	TCCS HD – 03/01
05	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,003	TCCS HD – 02/01
06	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,1	TCCS HD – 01/01
07	Natri (Na) (*)	mg/l	4,13	200	SMEWW 3500 Na: 2017
08	Nhôm (Al) (*)	mg/l	0,098	0,2	SMEWW 3125B:2017
09	Seleni (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
10	Sunfat (SO ₄ ²⁻)(*)	mg/l	<10	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E:2017
11	Benzen(*)	µg/l	< 0,30	10	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
12	Etylbenzen(*)	µg/l	< 9,0	300	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
13	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	µg/l	< 0,15	1	NIOEH.HD.H.PP.44:202 2

14	Styren(*)	µg/l	< 5,0	20	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
15	Toluen(*)	µg/l	< 9,0	700	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
16	Xylen(*)	µg/l	< 9,0	500	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
17	Carbofuran(*)	µg/l	< 0,01	5	EPA 531.2
18	Chlorpyrifos(*)	µg/l	< 0,01	30	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
19	Cyanazine(*)	µg/l	< 0,016	0,6	US EPA 525.3
20	DDT và dẫn xuất(*)	µg/l	< 0,016	1	TCVN 7876:2008
21	Hydroxyatrazine(*)	µg/l	< 0,081	200	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
22	MCPA(*)	µg/l	< 0,35	2	NIOEH.HD.H.PP. 121:2023
23	Permethrin(*)	µg/l	< 0,05	20	NIOEH.HD.H.PP. 119:2023
24	Propanil(*)	µg/l	< 0,1	20	NIOEH.HD.H.PP. 114:2023
25	Bromodichloromethane(*)	µg/l	0,86	60	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
26	Bromoform (Bromofoc)(*)	µg/l	0,74	100	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
27	Cloroform (Clorofoc)(*)	µg/l	< 0,20	300	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
28	Dibromoacetonitrile(*)	µg/l	< 0,001	70	EPA 551.1
29	Dibromochloromethane(*)	µg/l	< 0,07	100	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người thực hiện

Kiểm soát

Giám đốc

Điêu Thị Thương

Phạm Văn Thế



Điêu Thị Thương

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). Lođ: giới hạn phát hiện của phương pháp. Loq: giới hạn định lượng của phương pháp pháp "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 199/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước thành phố 1
 Vị trí lấy mẫu : Vòi nước sinh hoạt Khách sạn Mường Thanh – Tổ 2 – P. Tô Hiệu
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 71/T03/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 199/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
Các thông số nhóm A					
1	Độ đục	NTU	0.61	2	TCVN6184:2008
2	Màu sắc	TCU	9.99	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.06	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.41	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019
Các thông số nhóm B					
1	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	120	300	TCVN 6224:1996
2	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH Lod: 0.024	0.05	TCVN 6178:1996
3	Pecmanganat	mg/L	1.06	2	TCVN 6186: 1996
4	Sắt	mg/L	KPH Lod: 0.1	0.3	TCVN 6177:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	0.18	2	TCVN 6180:1996

6	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	0	<1	SMEWW 9213B:2017
7	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	0	<1	TCVN 8881:2011

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc





Nguyễn Hoàng Lâm

Đỗ Quang Phương

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Lod của NO_2 tính theo N.
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2025.03.25.55/TN



Tên đơn vị yêu cầu® : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt cuối mạng lưới XNCN TP số 1 (vòi nước sinh hoạt Khách Sạn Mường Thanh – tổ 2 – phường Tô Hiệu – TP Sơn La)
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
01	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
02	Mùi, vị(*)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023
03	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	mg/l	< 0,12	0,3	SMEWW 4500- NH ₄ ⁺ E:2017
04	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/l	KPH (Lod: 0,00337)	0,02	TCCS HD – 03/01
05	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,003	TCCS HD – 02/01
06	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,1	TCCS HD – 01/01
07	Natri (Na) (*)	mg/l	4,76	200	SMEWW 3500 Na: 2017
08	Nhôm (Al) (*)	mg/l	0,091	0,2	SMEWW 3125B:2017
09	Seleni (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
10	Sunfat (SO ₄ ²⁻)(*)	mg/l	<10	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E:2017
11	Benzen(*)	µg/l	< 0,30	10	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
12	Etylbenzen(*)	µg/l	< 9,0	300	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
13	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	µg/l	< 0,15	1	NIOEH.HD.H.PP.44:202 2

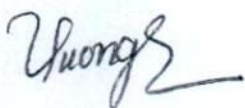
14	Styren(*)	µg/l	< 5,0	20	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
15	Toluen(*)	µg/l	< 9,0	700	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
16	Xylen(*)	µg/l	< 9,0	500	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
17	Carbofuran(*)	µg/l	< 0,01	5	EPA 531.2
18	Chlorpyrifos(*)	µg/l	< 0,01	30	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
19	Cyanazine(*)	µg/l	< 0,016	0,6	US EPA 525.3
20	DDT và dẫn xuất(*)	µg/l	< 0,016	1	TCVN 7876:2008
21	Hydroxyatrazine(*)	µg/l	< 0,081	200	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
22	MCPA(*)	µg/l	< 0,35	2	NIOEH.HD.H.PP. 121:2023
23	Permethrin(*)	µg/l	< 0,05	20	NIOEH.HD.H.PP. 119:2023
24	Propanil(*)	µg/l	< 0,1	20	NIOEH.HD.H.PP. 114:2023
25	Bromodicloromethane(*)	µg/l	0,92	60	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
26	Bromoform (Bromofoc) (*)	µg/l	0,81	100	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
27	Cloroform (Clorofoc)(*)	µg/l	< 0,20	300	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
28	Dibromoacetonitrile(*)	µg/l	< 0,001	70	EPA 551.1
29	Dibromochloromethane(*)	µg/l	< 0,07	100	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người thực hiện

Kiểm soát

Giám đốc








Hoàng Thị Thương

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). Lod: giới hạn phát hiện của phương pháp. Loq: giới hạn định lượng của phương pháp pháp "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 147/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Phù Yên
 Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Trạm cấp nước Nà Xá
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 19/T03/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 147/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.22	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	< 3.7 <i>Lod:3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.35	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.41	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2025.03.25.27/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa trạm cấp nước Nà Xá – CNCN Phù Yên
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM, Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025
Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 148/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Phù Yên
 Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Trạm cấp nước Suối Ngọt
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 20/T03/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 148/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.77	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	12.09	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.27	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.41	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	E.coli	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc

Nguyễn Hoàng Lân

Đỗ Quang Phương

Phạm Ngọc Dũng



Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2025.03.25.28/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa trạm cấp nước Suối Ngọt – CNCN Phù Yên
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025
Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 149/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Phù Yên
Vị trí lấy mẫu : Vòi nước SH nhà Bùi Quang Minh – TK7 – TT. Quang Huy – H. Phù Yên
Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 21/T03/2025
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 149/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.16	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	6.88	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.32	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.51	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc

Nguyễn Hoàng Lân

Đỗ Quang Phương

Phạm Ngọc Dũng



Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2025.03.25.39/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt giữa mạng lưới CNCN Phù Yên (vòi nước sinh hoạt nhà Bùi Quang Minh – TK 7 – thị trấn Quang Huy – huyện Phù Yên)
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025
Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 150/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Phù Yên
 Vị trí lấy mẫu : Vòi nước SH nhà Trần Văn Quý – TK8 – TT. Quang Huy – H. Phù Yên
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 22/T03/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 150/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.36	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	8.67	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.25	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.38	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	E.coli	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2025.03.25.40/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt cuối mạng lưới CNCN Phù Yên (vòi nước sinh hoạt nhà Trần Văn Quý – TK 8 – thị trấn Quang Huy – huyện Phù Yên)
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025
Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 186/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Thuận Châu
 Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Trạm cấp nước Chiềng Pắc
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 58/T03/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 186/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.26	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	< 3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	6.84	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.44	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2025.03.25.16/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa trạm cấp nước Chiềng Pắc – CNCN Thuận Châu
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod:0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01
2	Mùi, vị (*)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025
Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 187/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Thuận Châu
 Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Trạm cấp nước Chiềng Ly
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 59/T03/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 187/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.19	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	< 3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	6.84	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.48	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2025.03.25.15/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa trạm cấp nước Chiềng Ly – CNCN Thuận Châu
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod:0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01
2	Mùi, vị (*)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025
Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 188/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Thuận Châu
Vị trí lấy mẫu : Vòi nước SH nhà Lường Thị Thu – Bản Pán – xã Chiềng Ly – huyện Thuận Châu
Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 60/T03/2025
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 188/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.22	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	<3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	6.90	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.28	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 2025.03.25.19/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt giữa mạng lưới CNCN Thuận Châu (vòi nước sinh hoạt nhà Lường Thị Thu – Bản Pán – xã Chiềng Ly – huyện Thuận Châu)
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod:0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01
2	Mùi, vị (*)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025
Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 189/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Thuận Châu

Vị trí lấy mẫu : Vòi nước SH nhà Đinh Thị Đậm – TK5 – xã Tông Lạnh –
 huyện Thuận Châu

Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 61/T03/2025

Số lượng mẫu : 01

Biên bản giao mẫu : Số 189/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025

Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.25	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	< 3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	6.97	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.35	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 2025.03.25.20/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu® : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt cuối mạng lưới CNCN Thuận Châu (vòi nước sinh hoạt nhà Đình Thị Đậm – TK 5 – xã Tông Lạnh – huyện Thuận Châu)
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod:0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01
2	Mùi, vị (*)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 134/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước thành phố số 2
 Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Trạm cấp nước Viên 6
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 06/T03/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 134/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
Các thông số nhóm A					
1	Độ đục	NTU	0.16	2	TCVN6184:2008
2	Màu sắc	TCU	< 3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.10	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.53	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019
Các thông số nhóm B					
1	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	295	300	TCVN 6224:1996
2	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod: 0.024</i>	0.05	TCVN 6178:1996
3	Pecmanganat	mg/L	0.1	2	TCVN 6186: 1996
4	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod: 0.1</i>	0.3	TCVN 6177:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	1.26	2	TCVN 6180:1996

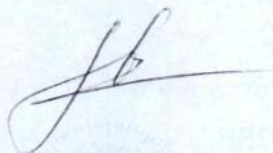
6	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	0	<1	SMEWW 9213B:2017
7	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	0	<1	TCVN 8881:2011

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc





Nguyễn Hoàng Lâm

Đỗ Quang Phương

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Lơđ của NO₂ tính theo N.
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2025.03.25.44/TN



Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa trạm Viện 6 – XNCN TP số 2
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
01	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
02	Mùi, vị(*)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023
03	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	mg/l	< 0,12	0,3	SMEWW 4500- NH ₄ ⁺ E:2017
04	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/l	KPH (Lod: 0,00337)	0,02	TCCS HD – 03/01
05	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,003	TCCS HD – 02/01
06	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,1	TCCS HD – 01/01
07	Natri (Na) (*)	mg/l	5,20	200	SMEWW 3500 Na: 2017
08	Nhôm (Al) (*)	mg/l	0,101	0,2	SMEWW 3125B:2017
09	Seleni (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
10	Sunfat (SO ₄ ²⁻)(*)	mg/l	<10	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E:2017
11	Benzen(*)	µg/l	< 0,30	10	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
12	Etylbenzen(*)	µg/l	< 9,0	300	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
13	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	µg/l	< 0,15	1	NIOEH.HD.H.PP.44:202 2

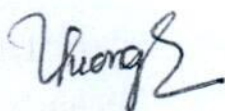
14	Styren(*)	µg/l	< 5,0	20	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
15	Toluen(*)	µg/l	< 9,0	700	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
16	Xylen(*)	µg/l	< 9,0	500	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
17	Carbofuran(*)	µg/l	< 0,01	5	EPA 531.2
18	Chlorpyrifos(*)	µg/l	< 0,01	30	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
19	Cyanazine(*)	µg/l	< 0,016	0,6	US EPA 525.3
20	DDT và dẫn xuất(*)	µg/l	< 0,016	1	TCVN 7876:2008
21	Hydroxyatrazine(*)	µg/l	< 0,081	200	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
22	MCPA(*)	µg/l	< 0,35	2	NIOEH.HD.H.PP. 121:2023
23	Permethrin(*)	µg/l	< 0,05	20	NIOEH.HD.H.PP. 119:2023
24	Propanil(*)	µg/l	< 0,1	20	NIOEH.HD.H.PP. 114:2023
25	Bromodichloromethane(*)	µg/l	0,91	60	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
26	Bromoform (Bromofoc)(*)	µg/l	0,83	100	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
27	Cloroform (Clorofoc)(*)	µg/l	< 0,20	300	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
28	Dibromoacetonitrile(*)	µg/l	< 0,001	70	EPA 551.1
29	Dibromochloromethane(*)	µg/l	< 0,07	100	NIOEH.HD.H.PP.115:2023

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người thực hiện

Kiểm soát

Giám đốc







Hoàng Thị Thương

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). Lod: giới hạn phát hiện của phương pháp. Loq: giới hạn định lượng của phương pháp pháp "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 135/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước thành phố số 2
 Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Trạm cấp nước Km 7
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 07/T03/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 135/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
Các thông số nhóm A					
1	Độ đục	NTU	0.12	2	TCVN6184:2008
2	Màu sắc	TCU	< 3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.07	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.41	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019
Các thông số nhóm B					
1	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	297	300	TCVN 6224:1996
2	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod: 0.024</i>	0.05	TCVN 6178:1996
3	Pecmanganat	mg/L	1.57	2	TCVN 6186: 1996
4	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod: 0.1</i>	0.3	TCVN 6177:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	1.26	2	TCVN 6180:1996

6	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	0	<1	SMEWW 9213B:2017
7	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	0	<1	TCVN 8881:2011

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc





Nguyễn Hoàng Lân

Đỗ Quang Phương

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Lơđ của NO₂ tính theo N.
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số : 2025.03.25.45/TN



Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa Trạm cấp nước Km 7 – XNCN TP số 2
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
01	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
02	Mùi, vị(*)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023
03	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	mg/l	< 0,12	0,3	SMEWW 4500- NH ₄ ⁺ E:2017
04	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/l	KPH (Lod: 0,00337)	0,02	TCCS HD – 03/01
05	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,003	TCCS HD – 02/01
06	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,1	TCCS HD – 01/01
07	Natri (Na) (*)	mg/l	5,42	200	SMEWW 3500 Na: 2017
08	Nhôm (Al) (*)	mg/l	0,108	0,2	SMEWW 3125B:2017
09	Seleni (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
10	Sunfat (SO ₄ ²⁻)(*)	mg/l	<10	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E:2017
11	Benzen(*)	µg/l	< 0,30	10	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
12	Etylbenzen(*)	µg/l	< 9,0	300	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
13	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	µg/l	< 0,15	1	NIOEH.HD.H.PP.44:202 2

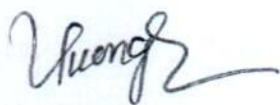
14	Styren(*)	µg/l	< 5,0	20	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
15	Toluen(*)	µg/l	< 9,0	700	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
16	Xylen(*)	µg/l	< 9,0	500	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
17	Carbofuran(*)	µg/l	< 0,01	5	EPA 531.2
18	Chlorpyrifos(*)	µg/l	< 0,01	30	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
19	Cyanazine(*)	µg/l	< 0,016	0,6	US EPA 525.3
20	DDT và dẫn xuất(*)	µg/l	< 0,016	1	TCVN 7876:2008
21	Hydroxyatrazine(*)	µg/l	<0,081	200	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
22	MCPA(*)	µg/l	< 0,35	2	NIOEH.HD.H.PP. 121:2023
23	Permethrin(*)	µg/l	<0,05	20	NIOEH.HD.H.PP. 119:2023
24	Propanil(*)	µg/l	< 0,1	20	NIOEH.HD.H.PP. 114:2023
25	Bromodicloromethane(*)	µg/l	0,90	60	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
26	Bromoform (Bromofoc)(*)	µg/l	0,83	100	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
27	Cloroform (Clorofoc)(*)	µg/l	< 0,20	300	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
28	Dibromoacetonitrile(*)	µg/l	< 0,001	70	EPA 551.1
29	Dibromochloromethane(*)	µg/l	< 0,07	100	NIOEH.HD.H.PP.115:2023

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người thực hiện

Kiểm soát

Giám đốc







Đặng Thị Thương

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). Lod: giới hạn phát hiện của phương pháp. Loq: giới hạn định lượng của phương pháp pháp "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 136/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước thành phố số 2
 Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Trạm cấp nước Km 10
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 08/T03/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 136/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
Các thông số nhóm A					
1	Độ đục	NTU	0.33	2	TCVN6184:2008
2	Màu sắc	TCU	3.76	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.11	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.44	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019
Các thông số nhóm B					
1	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	292	300	TCVN 6224:1996
2	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod: 0.024</i>	0.05	TCVN 6178:1996
3	Pecmanganat	mg/L	0.93	2	TCVN 6186: 1996
4	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod: 0.1</i>	0.3	TCVN 6177:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	1.31	2	TCVN 6180:1996

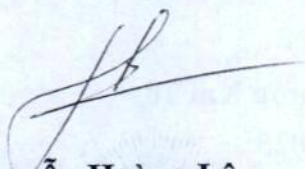
6	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	0	<1	SMEWW 9213B:2017
7	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	0	<1	TCVN 8881:2011

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc





Nguyễn Hoàng Lân

Đỗ Quang Phương

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Lơđ của NO₂ tính theo N.
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2025.03.25.46/TN



Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa Trạm cấp nước Km 10 – XNCN TP số 2
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
01	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
02	Mùi, vị(*)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023
03	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	mg/l	< 0,12	0,3	SMEWW 4500- NH ₄ ⁺ E:2017
04	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/l	KPH (Lod: 0,00337)	0,02	TCCS HD – 03/01
05	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,003	TCCS HD – 02/01
06	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,1	TCCS HD – 01/01
07	Natri (Na) (*)	mg/l	4,62	200	SMEWW 3500 Na: 2017
08	Nhôm (Al) (*)	mg/l	0,107	0,2	SMEWW 3125B:2017
09	Seleni (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
10	Sunfat (SO ₄ ²⁻)(*)	mg/l	11,6	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E:2017
11	Benzen(*)	µg/l	< 0,30	10	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
12	Etylbenzen(*)	µg/l	< 9,0	300	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
13	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	µg/l	< 0,15	1	NIOEH.HD.H.PP.44:202 2

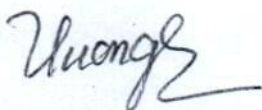
14	Styren(*)	µg/l	< 5,0	20	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
15	Toluen(*)	µg/l	< 9,0	700	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
16	Xylen(*)	µg/l	< 9,0	500	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
17	Carbofuran(*)	µg/l	< 0,01	5	EPA 531.2
18	Chlorpyrifos(*)	µg/l	< 0,01	30	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
19	Cyanazine(*)	µg/l	< 0,016	0,6	US EPA 525.3
20	DDT và dẫn xuất(*)	µg/l	< 0,016	1	TCVN 7876:2008
21	Hydroxyatrazine(*)	µg/l	<0,081	200	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
22	MCPA(*)	µg/l	< 0,35	2	NIOEH.HD.H.PP. 121:2023
23	Permethrin(*)	µg/l	<0,05	20	NIOEH.HD.H.PP. 119:2023
24	Propanil(*)	µg/l	< 0,1	20	NIOEH.HD.H.PP. 114:2023
25	Bromodicloromethane(*)	µg/l	0,96	60	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
26	Bromoform (Bromofoc) (*)	µg/l	0,75	100	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
27	Cloroform (Clorofoc)(*)	µg/l	< 0,20	300	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
28	Dibromoacetonitrile(*)	µg/l	< 0,001	70	EPA 551.1
29	Dibromochloromethane(*)	µg/l	< 0,07	100	NIOEH.HD.H.PP.115:2023

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người thực hiện

Kiểm soát

Giám đốc







Diêu Thị Thương

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). Lod: giới hạn phát hiện của phương pháp. Loq: giới hạn định lượng của phương pháp pháp "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 137/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước thành phố số 2
 Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Trạm cấp nước Chiềng Sinh
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 09/T03/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 137/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
Các thông số nhóm A					
1	Độ đục	NTU	0.08	2	TCVN6184:2008
2	Màu sắc	TCU	< 3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.06	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.35	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019
Các thông số nhóm B					
1	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	293	300	TCVN 6224:1996
2	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod: 0.024</i>	0.05	TCVN 6178:1996
3	Pecmanganat	mg/L	1.94	2	TCVN 6186: 1996
4	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod: 0.1</i>	0.3	TCVN 6177:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	1.53	2	TCVN 6180:1996

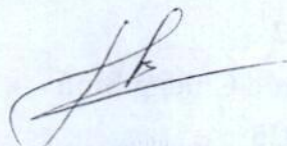
6	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	0	<1	SMEWW 9213B:2017
7	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	0	<1	TCVN 8881:2011

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc





Nguyễn Hoàng Lâm

Đỗ Quang Phương

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Lod của NO_2 tính theo N.
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2025.03.25.47/TN

Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa Trạm cấp nước Chiềng Sinh – XNCN TP số 2
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
01	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
02	Mùi, vị(*)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 3125:2023
03	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	mg/l	< 0,12	0,3	SMEWW 4500- NH ₄ ⁺ E:2017
04	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/l	KPH (Lod: 0,00337)	0,02	TCCS HD – 03/01
05	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,003	TCCS HD – 02/01
06	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,1	TCCS HD – 01/01
07	Natri (Na) (*)	mg/l	4,42	200	SMEWW 3500 Na: 2017
08	Nhôm (Al) (*)	mg/l	0,114	0,2	SMEWW 3125B:2017
09	Seleni (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
10	Sunfat (SO ₄ ²⁻)(*)	mg/l	<10	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E:2017
11	Benzen(*)	µg/l	< 0,30	10	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
12	Etylbenzen(*)	µg/l	< 9,0	300	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
13	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	µg/l	< 0,15	1	NIOEH.HD.H.PP.44:202 2

14	Styren(*)	µg/l	< 5,0	20	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
15	Toluen(*)	µg/l	< 9,0	700	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
16	Xylen(*)	µg/l	< 9,0	500	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
17	Carbofuran(*)	µg/l	< 0,01	5	EPA 531.2
18	Chlorpyrifos(*)	µg/l	< 0,01	30	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
19	Cyanazine(*)	µg/l	< 0,016	0,6	US EPA 525.3
20	DDT và dẫn xuất(*)	µg/l	< 0,016	1	TCVN 7876:2008
21	Hydroxyatrazine(*)	µg/l	< 0,081	200	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
22	MCPA(*)	µg/l	< 0,35	2	NIOEH.HD.H.PP. 121:2023
23	Permethrin(*)	µg/l	< 0,05	20	NIOEH.HD.H.PP. 119:2023
24	Propanil(*)	µg/l	< 0,1	20	NIOEH.HD.H.PP. 114:2023
25	Bromodicloromethane(*)	µg/l	0,87	60	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
26	Bromoform (Bromofoc)(*)	µg/l	0,73	100	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
27	Cloroform (Clorofoc)(*)	µg/l	< 0,20	300	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
28	Dibromoacetonitrile(*)	µg/l	< 0,001	70	EPA 551.1
29	Dibromochloromethane(*)	µg/l	< 0,07	100	NIOEH.HD.H.PP.115:2023

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người thực hiện

Kiểm soát

Giám đốc

Uông

Phạm Văn Thế



Điền Thị Thương

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). Lođ: giới hạn phát hiện của phương pháp pháp "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 138/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước thành phố số 2
 Vị trí lấy mẫu : Vòi nước sinh hoạt nhà Hà Văn Đáp – Tổ 3 – Phường Quyết Tâm
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 10/T03/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 138/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
Các thông số nhóm A					
1	Độ đục	NTU	0.15	2	TCVN6184:2008
2	Màu sắc	TCU	< 3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	6.99	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.38	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019
Các thông số nhóm B					
1	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	296	300	TCVN 6224:1996
2	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod: 0.024</i>	0.05	TCVN 6178:1996
3	Pecmanganat	mg/L	0.96	2	TCVN 6186: 1996
4	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod: 0.1</i>	0.3	TCVN 6177:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	1.35	2	TCVN 6180:1996

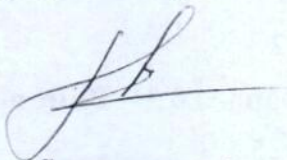
6	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	0	<1	SMEWW 9213B:2017
7	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	0	<1	TCVN 8881:2011

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc





Nguyễn Hoàng Lân

Đỗ Quang Phương

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Lơđ của NO₂ tính theo N.
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2025.03.25.56/TN



Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
Loại mẫu : Nước sinh hoạt giữa mạng lưới XNCN TP số 2 (vòi nước sinh hoạt nhà Hà Văn Đáp – tổ 3 – phường Quyết Tâm – TP Sơn La)
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
01	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
02	Mùi, vị(*)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023
03	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	mg/l	< 0,12	0,3	SMEWW 4500- NH ₄ ⁺ E:2017
04	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/l	KPH (Lod: 0,00337)	0,02	TCCS HD – 03/01
05	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,003	TCCS HD – 02/01
06	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,1	TCCS HD – 01/01
07	Natri (Na) (*)	mg/l	4,62	200	SMEWW 3500 Na: 2017
08	Nhôm (Al) (*)	mg/l	0,089	0,2	SMEWW 3125B:2017
09	Seleni (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
10	Sunfat (SO ₄ ²⁻)(*)	mg/l	<10	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E:2017
11	Benzen(*)	µg/l	< 0,30	10	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
12	Etylbenzen(*)	µg/l	< 9,0	300	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
13	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	µg/l	< 0,15	1	NIOEH.HD.H.PP.44:202 2

14	Styren(*)	µg/l	< 5,0	20	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
15	Toluen(*)	µg/l	< 9,0	700	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
16	Xylen(*)	µg/l	< 9,0	500	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
17	Carbofuran(*)	µg/l	< 0,01	5	EPA 531.2
18	Chlorpyrifos(*)	µg/l	< 0,01	30	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
19	Cyanazine(*)	µg/l	< 0,016	0,6	US EPA 525.3
20	DDT và dẫn xuất(*)	µg/l	< 0,016	1	TCVN 7876:2008
21	Hydroxyatrazine(*)	µg/l	<0,081	200	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
22	MCPA(*)	µg/l	< 0,35	2	NIOEH.HD.H.PP. 121:2023
23	Permethrin(*)	µg/l	< 0,05	20	NIOEH.HD.H.PP. 119:2023
24	Propanil(*)	µg/l	< 0,1	20	NIOEH.HD.H.PP. 114:2023
25	Bromodicloromethane(*)	µg/l	0,97	60	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
26	Bromoform (Bromofoc)(*)	µg/l	0,83	100	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
27	Cloroform (Clorofoc)(*)	µg/l	< 0,20	300	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
28	Dibromoacetonitrile(*)	µg/l	< 0,001	70	EPA 551.1
29	Dibromochloromethane(*)	µg/l	< 0,07	100	NIOEH.HD.H.PP.115:2023

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người thực hiện

Kiểm soát

Giám đốc

Điền Thị Thương

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). Lod: giới hạn phát hiện của phương pháp. Loq: giới hạn định lượng của phương pháp pháp "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 139/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước thành phố số 2
Vị trí lấy mẫu : Vòi nước SH nhà Lê Khánh Huyền – Tổ 3 – Phường Chiềng Sinh
Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 11/T03/2025
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 139/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
Ngày phân tích : 11-12/03/2025



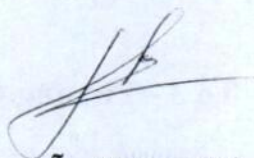
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
Các thông số nhóm A					
1	Độ đục	NTU	0.12	2	TCVN6184:2008
2	Màu sắc	TCU	< 3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.04	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.35	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019
Các thông số nhóm B					
1	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	297	300	TCVN 6224:1996
2	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod: 0.024</i>	0.05	TCVN 6178:1996
3	Pecmanganat	mg/L	1.17	2	TCVN 6186: 1996
4	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod: 0.1</i>	0.3	TCVN 6177:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	1.37	2	TCVN 6180:1996

6	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	0	<1	SMEWW 9213B:2017
7	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	0	<1	TCVN 8881:2011

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**



Nguyễn Hoàng Lâm

Kiểm soát



Đỗ Quang Phương

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Lqd của NO₂ tính theo N.
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2025.03.25.57/TN



Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt cuối mạng lưới XNCN TP số 2 (vòi nước sinh hoạt nhà Lê Khánh Huyền – tổ 3 – phường Chiềng Sinh – TP Sơn La)
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
01	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
02	Mùi, vị(*)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023
03	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	mg/l	< 0,12	0,3	SMEWW 4500- NH ₄ ⁺ E:2017
04	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/l	KPH (Lod: 0,00337)	0,02	TCCS HD – 03/01
05	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,003	TCCS HD – 02/01
06	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,1	TCCS HD – 01/01
07	Natri (Na) (*)	mg/l	4,87	200	SMEWW 3500 Na: 2017
08	Nhôm (Al) (*)	mg/l	0,096	0,2	SMEWW 3125B:2017
09	Seleni (Se)	mg/l	< 0,0019	0,01	TCCS HD – 03/01
10	Sunfat (SO ₄ ²⁻)(*)	mg/l	<10	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E:2017
11	Benzen(*)	µg/l	< 0,30	10	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
12	Etylbenzen(*)	µg/l	< 9,0	300	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
13	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	µg/l	< 0,15	1	NIOEH.HD.H.PP.44:202 2

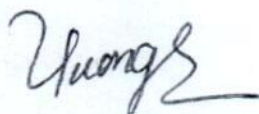
14	Styren(*)	µg/l	< 5,0	20	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
15	Toluen(*)	µg/l	< 9,0	700	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
16	Xylen(*)	µg/l	< 9,0	500	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
17	Carbofuran(*)	µg/l	< 0,01	5	EPA 531.2
18	Chlorpyrifos(*)	µg/l	< 0,01	30	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
19	Cyanazine(*)	µg/l	< 0,016	0,6	US EPA 525.3
20	DDT và dẫn xuất(*)	µg/l	< 0,016	1	TCVN 7876:2008
21	Hydroxyatrazine(*)	µg/l	< 0,081	200	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
22	MCPA(*)	µg/l	< 0,35	2	NIOEH.HD.H.PP. 121:2023
23	Permethrin(*)	µg/l	< 0,05	20	NIOEH.HD.H.PP. 119:2023
24	Propanil(*)	µg/l	< 0,1	20	NIOEH.HD.H.PP. 114:2023
25	Bromodicloromethane(*)	µg/l	0,98	60	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
26	Bromoform (Bromofoc)(*)	µg/l	0,84	100	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
27	Cloroform (Clorofoc)(*)	µg/l	< 0,20	300	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
28	Dibromoacetonitrile(*)	µg/l	< 0,001	70	EPA 551.1
29	Dibromochloromethane(*)	µg/l	< 0,07	100	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người thực hiện

Kiểm soát

Giám đốc







Hoàng Thị Thương

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). Lod: giới hạn phát hiện của phương pháp. Loq: giới hạn định lượng của phương pháp pháp "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 180/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Sốp Cộp
 Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch – Trạm cấp nước Nậm Lạnh
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 52/T03/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 180/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.31	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	< 3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	6.89	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.43	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927

Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2025.03.25.30/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa trạm cấp nước Nậm Lạnh – CNCN Sốp Cộp
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 181/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Sốp Cộp
Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch – Trạm cấp nước Dôm Cang
Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 53/T03/2025
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 181/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.59	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	< 3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	6.97	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.42	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

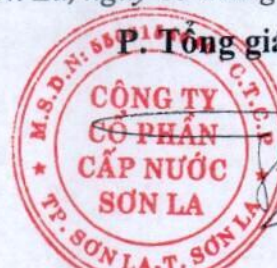
**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Nguyễn Hoàng Luân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2025.03.25.31/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa trạm cấp nước Dầm Cang – CNCN Sốp Cộp
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025
Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 182/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Sốp Cộp
Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Trạm cấp nước Pói Lanh
Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 54/T03/2025
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 182/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.30	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	< 3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	6.94	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.35	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2025.03.25.29/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa trạm cấp nước Pối Lanh – CNCN Sốp Cộp
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025
Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 183/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Sốp Cộp
 Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Nhà máy nước Sốp Cộp
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 55/T03/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 183/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.37	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	< 3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	6.89	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.49	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc



Nguyễn Hoàng Luân

Đỗ Quang Phương

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Số điện thoại: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2025.03.25.32/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa nhà máy nước Sốp Cộp – CNCN Sốp Cộp
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025
Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 184/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Sốp Cộp
Vị trí lấy mẫu : Vòi nước SH nhà Lường Thị Thoa – B. Phân Viện – xã Sốp Cộp
Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 56/T03/2025
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 184/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.64	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	< 3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	6.95	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.38	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Nguyễn Hoàng Lâm

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927

Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2025.03.25.41/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
- 02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
- 03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt giữa mạng lưới CNCN Sốp Cộp (vòi nước sinh hoạt nhà Lường Thị Thoa – Bản Phân Viện – xã Sốp Cộp – huyện Sốp Cộp)
- 04 Số lượng mẫu : 01
- 05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lê, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 185/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Sốp Cộp
Vị trí lấy mẫu : Vòi nước SH nhà Hoàng Văn Đức – khu chợ Sốp Cộp – xã Sốp Cộp
Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 57/T03/2025
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 185/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.97	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	11.57	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	6.92	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.36	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc



Nguyễn Hoàng Lân

Đỗ Quang Phụng

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927

Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2025.03.25.42/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt cuối mạng lưới CNCN Sốp Cộp (vòi nước sinh hoạt nhà
Hoàng Văn Đức – khu chợ Sốp Cộp – xã Sốp Cộp – huyện Sốp Cộp)
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 140/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Bắc Yên
 Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Trạm cấp nước Phiêng Ban
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 12/T03/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 140/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.56	2	TCVN6184:2008
2	Màu sắc	TCU	4.82	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.17	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.49	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc

Nguyễn Hoàng Lân

Đỗ Quang Phương

Phạm Ngọc Dũng



Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2025.03.25.26/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa trạm cấp nước Phiêng Ban – CNCN Bắc Yên
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025
Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 141/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Bắc Yên
 Vị trí lấy mẫu : Vòi nước sinh hoạt nhà Trần Ngọc Tuyển - TK 1 - TT Bắc Yên
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 13/T03/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 141/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.51	2	TCVN6184:2008
2	Màu sắc	TCU	4.08	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.25	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.40	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	E.coli	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Nguyễn Hoàng Luân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2025.03.25.37/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt giữa mạng lưới CNCN Bắc Yên (vòi nước sinh hoạt nhà Trần Ngọc Tuyên – TK 1 – thị trấn Bắc Yên – huyện Bắc Yên)
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025
Giám đốc

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 142/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Bắc Yên
 Vị trí lấy mẫu : Vòi nước SH nhà Lý Xuân Đón – TK2 - TT Bắc Yên
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 14/T03/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 142/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.77	2	TCVN6184:2008
2	Màu sắc	TCU	3.85	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.29	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.45	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phụng



P. Tổng giám đốc

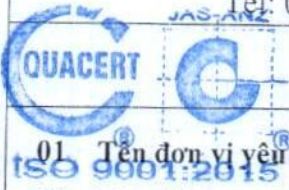
Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2025.03.25.38/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt cuối mạng lưới CNCN Bắc Yên (vòi nước sinh hoạt nhà Lý Xuân Đón – TK 2 – thị trấn Bắc Yên – huyện Bắc Yên)
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025
Giám đốc

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

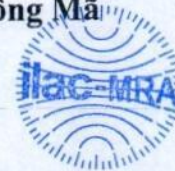
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 190/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Sông Mã
 Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Trạm cấp nước Sông Mã
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 62/T03/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 190/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.17	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	< 3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.04	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.44	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Kiểm soát

Tổng giám đốc

Nguyễn Hoàng Lân

Đỗ Quang Phương

Phạm Ngọc Dũng



Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927

Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2025.03.25.25/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa trạm cấp nước Sông Mã – CNCN Sông Mã
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 191/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Sông Mã
 Vị trí lấy mẫu : Vòi nước sinh hoạt nhà Tạ Thị Oanh- Tổ 5 - TT Sông Mã
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 63/T03/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 191/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.22	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	<3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
4	Chỉ số pH	-	7.07	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
5	Clo dư	mg/L	0.35	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
6	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
7	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc

Nguyễn Hoàng Lân

Đỗ Quang Phương

Phạm Ngọc Dũng



Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927

Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2025.03.25.35/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt giữa mạng lưới CNCN Sông Mã (vòi nước sinh hoạt nhà Tạ Thị Oanh – tổ 5 – thị trấn Sông Mã – huyện Sông Mã)
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 192/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Sông Mã
 Vị trí lấy mẫu : Vòi nước SH nhà Trần Văn Lộc – B. Hoàng Mã - TT Sông Mã
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 64/T03/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 192/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.27	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	<3.7 Lod: 3.7	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.09	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.40	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	E.coli	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc



Nguyễn Hoàng Lâm

Đỗ Quang Phương

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2025.03.25.36/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt cuối mạng lưới CNCN Sông Mã (vòi nước sinh hoạt nhà
Trần Văn Lộc – Bản Hoàng Mã – thị trấn Sông Mã – huyện Sông Mã)
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025
Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 143/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Mộc Châu
Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Trạm cấp nước Suối Bon
Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 15/T03/2025
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 143/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.53	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	5.56	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.29	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.54	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc

Nguyễn Hoàng Lâm

Đỗ Quang Phương

Phạm Ngọc Dũng



Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927

Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2025.03.25.34/TN



Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa trạm cấp nước Suối Bon – CNCN Mộc Châu
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 144/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Mộc Châu
Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Trạm cấp nước Bưu Điện
Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 16/T03/2025
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 144/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.24	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	4.36	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.12	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.47	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc

Nguyễn Hoàng Lân

Đỗ Quang Phương

Phạm Ngọc Dũng



Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2025.03.25.17/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa trạm cấp nước Bưu Điện – CNCN Mộc Châu
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod:0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01
2	Mùi, vị (*)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025
Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 145/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Mộc Châu
Vị trí lấy mẫu : Vòi nước SH nhà Nguyễn Tùng Anh – TDP 7 – P.Mộc Sơn – TX Mộc Châu
Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 17/T03/2025
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 145/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.10	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	<3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.12	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.39	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927

Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2025.03.25.23/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt giữa mạng lưới CNCN Mộc Châu (vòi nước sinh hoạt nhà Nguyễn Tùng Anh – TDP 7 – phường Mộc Sơn – thị xã Mộc Châu)
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod:0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01
2	Mùi, vị (*)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 146/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Mộc Châu

Vị trí lấy mẫu : Vòi nước SH nhà Đặng Văn Trường – TDP 4 – P. Mộc Ly – TX Mộc Châu

Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 18/T03/2025

Số lượng mẫu : 01

Biên bản giao mẫu : Số 146/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025

Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.11	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	<3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.14	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.39	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2025.03.25.24/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt cuối mạng lưới CNCN Mộc Châu (vòi nước sinh hoạt nhà Đặng Văn Trường – TDP 4 – phường Mộc Lỵ – thị xã Mộc Châu)
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod:0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01
2	Mùi, vị (*)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025
Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 151/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Mường La
 Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Trạm cấp nước Nà Lốc
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 23/T03/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 151/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.25	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	< 3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.11	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.45	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Nguyễn Hoàng Lâm

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2025.03.25.33/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa trạm cấp nước Nà Lốc – CNCN Mường La
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025
Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 152/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Mường La
Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Trạm cấp nước Bệnh Viện
Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 24/T03/2025
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 152/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thống số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.17	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	6.58	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	6.99	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.39	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	E.coli	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Kiểm soát

Tổng giám đốc

Nguyễn Hoàng Lân

Đỗ Quang Phương

Phạm Ngọc Dũng



Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2025.03.25.18/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa trạm cấp nước Bệnh Viện – CNCN Mường La
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod:0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01
2	Mùi, vị (*)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025
Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

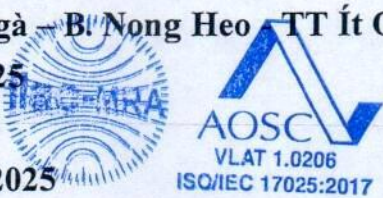
- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 153/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Mường La
Vị trí lấy mẫu : Vòi nước sinh hoạt nhà Hà Văn Ngà - B. Nong Heo - TT Ít Ong
Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 25/T03/2025
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 153/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.26	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	5.86	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.13	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.33	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	E.coli	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phụng

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 2025.03.25.21/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu[®]: Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu: Nước sinh hoạt giữa mạng lưới CNCN Mường La (vòi nước sinh hoạt nhà Hà Văn Ngà – Bản Nong Heo – thị trấn Ít Ong – huyện Mường La)
04 Số lượng mẫu: 01
05 Biên bản giao mẫu: Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod:0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01
2	Mùi, vị (*)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025
Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 154/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Mường La
 Vị trí lấy mẫu : Vòi nước sinh hoạt nhà Vũ Thị Thảo – TK3 - TT Ít Ong
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 26/T03/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 154/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.13	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	< 3.7 <i>Lod:3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	6.98	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.47	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phụng



P. Tổng giám đốc

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 2025.03.25.22/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt cuối mạng lưới CNCN Mường La (vòi nước sinh hoạt nhà Vũ Thị Thảo – TK 3 – thị trấn Ít Ong – huyện Mường La)
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod:0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01
2	Mùi, vị (*)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025
Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 193/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Quỳnh Nhai
Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Trạm cấp nước Mường Giàng
Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 65/T03/2025
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 193/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
Các thông số nhóm A					
1	Độ đục	NTU	0.22	2	TCVN6184:2008
2	Màu sắc	TCU	< 3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.14	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.37	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019
Các thông số nhóm B					
1	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	273	300	TCVN 6224:1996
2	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod: 0.024</i>	0.05	TCVN 6178:1996
3	Pecmanganat	mg/L	0.56	2	TCVN 6186: 1996
4	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod: 0.1</i>	0.3	TCVN 6177:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	0.71	2	TCVN 6180:1996

6	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	0	<1	SMEWW 9213B:2017
7	Trực khuẩn mũ xanh	CFU/ 100mL	0	<1	TCVN 8881:2011

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**



Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát



Đỗ Quang Phụng

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Lqd của NO₂ tính theo N.
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2025.03.25.53/TN



Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa Trạm cấp nước Mường Giàng – CNCN Mường Giàng
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
01	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
02	Mùi, vị(*)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023
03	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	mg/l	< 0,12	0,3	SMEWW 4500- NH ₄ ⁺ E:2017
04	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/l	KPH (Lod: 0,00337)	0,02	TCCS HD – 03/01
05	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,003	TCCS HD – 02/01
06	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,1	TCCS HD – 01/01
07	Natri (Na) (*)	mg/l	4,56	200	SMEWW 3500 Na: 2017
08	Nhôm (Al) (*)	mg/l	0,105	0,2	SMEWW 3125B:2017
09	Seleni (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
10	Sunfat (SO ₄ ²⁻)(*)	mg/l	<10	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E:2017
11	Benzen(*)	µg/l	< 0,30	10	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
12	Etylbenzen(*)	µg/l	< 9,0	300	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
13	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	µg/l	< 0,15	1	NIOEH.HD.H.PP.44:202 2

14	Styren(*)	µg/l	< 5,0	20	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
15	Toluen(*)	µg/l	< 9,0	700	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
16	Xylen(*)	µg/l	< 9,0	500	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
17	Carbofuran(*)	µg/l	< 0,01	5	EPA 531.2
18	Chlorpyrifos(*)	µg/l	< 0,01	30	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
19	Cyanazine(*)	µg/l	< 0,016	0,6	US EPA 525.3
20	DDT và dẫn xuất(*)	µg/l	< 0,016	1	TCVN 7876:2008
21	Hydroxyatrazine(*)	µg/l	<0,081	200	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
22	MCPA(*)	µg/l	< 0,35	2	NIOEH.HD.H.PP. 121:2023
23	Permethrin(*)	µg/l	<0,05	20	NIOEH.HD.H.PP. 119:2023
24	Propanil(*)	µg/l	< 0,1	20	NIOEH.HD.H.PP. 114:2023
25	Bromodicloromethane(*)	µg/l	0,89	60	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
26	Bromoform (Bromofoc)(*)	µg/l	0,72	100	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
27	Cloroform (Clorofoc)(*)	µg/l	< 0,20	300	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
28	Dibromoacetonitrile(*)	µg/l	< 0,001	70	EPA 551.1
29	Dibromochloromethane(*)	µg/l	< 0,07	100	NIOEH.HD.H.PP.115:2023

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người thực hiện

Kiểm soát

Giám đốc

Uaoney

Phạm Văn Thế



Điền Thị Thương

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). Lod: giới hạn phát hiện của phương pháp. Loq: giới hạn định lượng của phương pháp pháp "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 194/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Quỳnh Nhai
 Vị trí lấy mẫu : Vòi nước SH nhà Vũ Đình Sơn – Xóm 5 – Mường Giàng
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 66/T03/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 194/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
Các thông số nhóm A					
1	Độ đục	NTU	0.30	2	TCVN6184:2008
2	Màu sắc	TCU	< 3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.10	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.28	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019
Các thông số nhóm B					
1	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	270	300	TCVN 6224:1996
2	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod: 0.024</i>	0.05	TCVN 6178:1996
3	Pecmanganat	mg/L	0.58	2	TCVN 6186: 1996
4	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod: 0.1</i>	0.3	TCVN 6177:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	0.81	2	TCVN 6180:1996

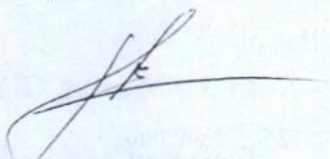
6	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	0	<1	SMEWW 9213B:2017
7	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	0	<1	TCVN 8881:2011

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc





Nguyễn Hoàng Lân

Đỗ Quang Phụng

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Lơđ của NO₂ tính theo N.
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2025.03.25.62/TN



Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt giữa mạng lưới CNCN Quỳnh Nhai (vòi nước sinh hoạt nhà Vũ Đình Sơn – xóm 5 – xã Mường Giàng – huyện Quỳnh Nhai)
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
01	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
02	Mùi, vị(*)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023
03	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	mg/l	< 0,12	0,3	SMEWW 4500- NH ₄ ⁺ E:2017
04	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/l	KPH (Lod: 0,00337)	0,02	TCCS HD – 03/01
05	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,003	TCCS HD – 02/01
06	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,1	TCCS HD – 01/01
07	Natri (Na) (*)	mg/l	5,12	200	SMEWW 3500 Na: 2017
08	Nhôm (Al) (*)	mg/l	0,101	0,2	SMEWW 3125B:2017
09	Seleni (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
10	Sunfat (SO ₄ ²⁻)(*)	mg/l	<10	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E:2017
11	Benzen(*)	µg/l	< 0,30	10	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
12	Etylbenzen(*)	µg/l	< 9,0	300	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
13	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	µg/l	< 0,15	1	NIOEH.HD.H.PP.44:202 2

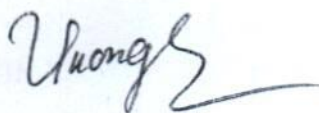
14	Styren(*)	µg/l	< 5,0	20	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
15	Toluen(*)	µg/l	< 9,0	700	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
16	Xylen(*)	µg/l	< 9,0	500	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
17	Carbofuran(*)	µg/l	< 0,01	5	EPA 531.2
18	Chlorpyrifos(*)	µg/l	< 0,01	30	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
19	Cyanazine(*)	µg/l	< 0,016	0,6	US EPA 525.3
20	DDT và dẫn xuất(*)	µg/l	< 0,016	1	TCVN 7876:2008
21	Hydroxyatrazine(*)	µg/l	< 0,081	200	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
22	MCPA(*)	µg/l	< 0,35	2	NIOEH.HD.H.PP. 121:2023
23	Permethrin(*)	µg/l	< 0,05	20	NIOEH.HD.H.PP. 119:2023
24	Propanil(*)	µg/l	< 0,1	20	NIOEH.HD.H.PP. 114:2023
25	Bromodichloromethane(*)	µg/l	0,94	60	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
26	Bromoform (Bromofoc)(*)	µg/l	0,87	100	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
27	Cloroform (Clorofoc)(*)	µg/l	< 0,20	300	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
28	Dibromoacetonitrile(*)	µg/l	< 0,001	70	EPA 551.1
29	Dibromochloromethane(*)	µg/l	< 0,07	100	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người thực hiện

Kiểm soát

Giám đốc







Diêu Thị Thương

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). Loạ: giới hạn phát hiện của phương pháp. Loq: giới hạn định lượng của phương pháp pháp "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 195/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Quỳnh Nhai
 Vị trí lấy mẫu : Vòi nước SH nhà Lò Hồng San – B. Nghe Tổng – xã Mường Giàng
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 67/T03/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 195/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
Các thông số nhóm A					
1	Độ đục	NTU	0.18	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	< 3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.12	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.30	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019
Các thông số nhóm B					
1	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	270	300	TCVN 6224:1996
2	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod: 0.024</i>	0.05	TCVN 6178:1996
3	Pecmanganat	mg/L	0.52	2	TCVN 6186: 1996
4	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod: 0.1</i>	0.3	TCVN 6177:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	1.64	2	TCVN 6180:1996

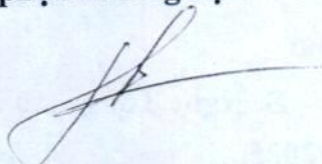
6	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	0	<1	SMEWW 9213B:2017
7	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	0	<1	TCVN 8881:2011

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc





Nguyễn Hoàng Lân

Đỗ Quang Phụng

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Lơđ của NO₂ tính theo N.
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927

Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2025.03.25.63/TN



Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La

Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La

Loại mẫu : Nước sinh hoạt cuối mạng lưới CNCN Quỳnh Nhai (vòi nước sinh hoạt nhà Lò Hồng San – Bản Nghe Tổng – xã Mường Giàng – huyện Quỳnh Nhai)

Số lượng mẫu : 01

Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
01	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
02	Mùi, vị(*)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023
03	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	mg/l	< 0,12	0,3	SMEWW 4500- NH ₄ ⁺ E:2017
04	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/l	KPH (Lod: 0,00337)	0,02	TCCS HD – 03/01
05	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPII (Lod: 0,00054)	0,003	TCCS HD – 02/01
06	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,1	TCCS HD – 01/01
07	Natri (Na) (*)	mg/l	4,83	200	SMEWW 3500 Na: 2017
08	Nhiôm (Al) (*)	mg/l	0,082	0,2	SMEWW 3125B:2017
09	Seleni (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
10	Sunfat (SO ₄ ²⁻)(*)	mg/l	<10	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E:2017
11	Benzen(*)	µg/l	< 0,30	10	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
12	Etylbenzen(*)	µg/l	< 9,0	300	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
13	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	µg/l	< 0,15	1	NIOEH.HD.H.PP.44:202 2

14	Styren(*)	µg/l	< 5,0	20	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
15	Toluen(*)	µg/l	< 9,0	700	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
16	Xylen(*)	µg/l	< 9,0	500	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
17	Carbofuran(*)	µg/l	< 0,01	5	EPA 531.2
18	Chlorpyrifos(*)	µg/l	< 0,01	30	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
19	Cyanazine(*)	µg/l	< 0,016	0,6	US EPA 525.3
20	DDT và dẫn xuất(*)	µg/l	< 0,016	1	TCVN 7876:2008
21	Hydroxyatrazine(*)	µg/l	< 0,081	200	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
22	MCPA(*)	µg/l	< 0,35	2	NIOEH.HD.H.PP. 121:2023
23	Permethrin(*)	µg/l	< 0,05	20	NIOEH.HD.H.PP. 119:2023
24	Propanil(*)	µg/l	< 0,1	20	NIOEH.HD.H.PP. 114:2023
25	Bromodichloromethane(*)	µg/l	0,96	60	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
26	Bromoform (Bromofoc)(*)	µg/l	0,84	100	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
27	Cloroform (Clorofoc)(*)	µg/l	< 0,20	300	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
28	Dibromoacetonitrile(*)	µg/l	< 0,001	70	EPA 551.1
29	Dibromochloromethane(*)	µg/l	< 0,07	100	NIOEH.HD.H.PP.115:2023

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người thực hiện

Kiểm soát

Giám đốc

Thương

Phạm Văn Thế



Điền Thị Thương

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). Loq: giới hạn phát hiện của phương pháp pháp "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 155/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Yên Châu
Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Trạm cấp nước Bất Đông
Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 27/T03/2025
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 155/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
Các thông số nhóm A					
1	Độ đục	NTU	0.09	2	TCVN6184:2008
2	Màu sắc	TCU	< 3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.12	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.50	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019
Các thông số nhóm B					
1	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	284	300	TCVN 6224:1996
2	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod: 0.024</i>	0.05	TCVN 6178:1996
3	Pecmanganat	mg/L	0.66	2	TCVN 6186: 1996
4	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod: 0.1</i>	0.3	TCVN 6177:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	0.61	2	TCVN 6180:1996

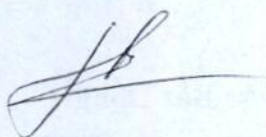
6	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	0	<1	SMEWW 9213B:2017
7	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	0	<1	TCVN 8881:2011

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc





Nguyễn Hoàng Lân

Đỗ Quang Phương

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Load của NO_2 tính theo N.
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2025.03.25.51/TN



Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
 Địa chỉ **9001:2015**: Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại Trạm cấp nước Bất Đông – CNCN Yên Châu
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
01	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
02	Mùi, vị(*)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023
03	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	mg/l	< 0,12	0,3	SMEWW 4500- NH ₄ ⁺ E:2017
04	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/l	KPH (Lod: 0,00337)	0,02	TCCS HD – 03/01
05	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,003	TCCS HD – 02/01
06	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,1	TCCS HD – 01/01
07	Natri (Na) (*)	mg/l	4,71	200	SMEWW 3500 Na: 2017
08	Nhôm (Al) (*)	mg/l	0,112	0,2	SMEWW 3125B:2017
09	Seleni (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
10	Sunfat (SO ₄ ²⁻)(*)	mg/l	<10	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E:2017
11	Benzen(*)	µg/l	< 0,30	10	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
12	Etylbenzen(*)	µg/l	< 9,0	300	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
13	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	µg/l	< 0,15	1	NIOEH.HD.H.PP.44:202 2

14	Styren(*)	µg/l	< 5,0	20	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
15	Toluen(*)	µg/l	< 9,0	700	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
16	Xylen(*)	µg/l	< 9,0	500	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
17	Carbofuran(*)	µg/l	< 0,01	5	EPA 531.2
18	Chlorpyrifos(*)	µg/l	< 0,01	30	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
19	Cyanazine(*)	µg/l	< 0,016	0,6	US EPA 525.3
20	DDT và dẫn xuất(*)	µg/l	< 0,016	1	TCVN 7876:2008
21	Hydroxyatrazine(*)	µg/l	<0,081	200	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
22	MCPA(*)	µg/l	< 0,35	2	NIOEH.HD.H.PP. 121:2023
23	Permethrin(*)	µg/l	<0,05	20	NIOEH.HD.H.PP. 119:2023
24	Propanil(*)	µg/l	< 0,1	20	NIOEH.HD.H.PP. 114:2023
25	Bromodichloromethane(*)	µg/l	0,95	60	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
26	Bromoform (Bromofoc)(*)	µg/l	0,75	100	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
27	Cloroform (Clorofoc)(*)	µg/l	< 0,20	300	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
28	Dibromoacetonitrile(*)	µg/l	< 0,001	70	EPA 551.1
29	Dibromochloromethane(*)	µg/l	< 0,07	100	NIOEH.HD.H.PP.115:2023

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người thực hiện

Kiểm soát

Giám đốc

(Signature)

(Signature)



Điền Thị Thương

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). Lođ: giới hạn phát hiện của phương pháp. Loq: giới hạn định lượng của phương pháp pháp "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 156/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Yên Châu
 Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Trạm cấp nước Suối Sập
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 28/T03/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 156/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Ngày phân tích : 11-12/03/2025



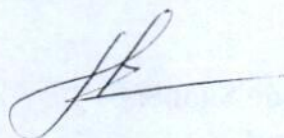
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
Các thông số nhóm A					
1	Độ đục	NTU	0.31	2	TCVN6184:2008
2	Màu sắc	TCU	6.46	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.14	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.55	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019
Các thông số nhóm B					
1	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	227	300	TCVN 6224:1996
2	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod: 0.024</i>	0.05	TCVN 6178:1996
3	Pecmanganat	mg/L	0.86	2	TCVN 6186: 1996
4	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod: 0.1</i>	0.3	TCVN 6177:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	0.75	2	TCVN 6180:1996

6	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	0	<1	SMEWW 9213B:2017
7	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	0	<1	TCVN 8881-2011

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm



Nguyễn Hoàng Luân

Kiểm soát



Đỗ Quang Phương

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Lod của NO_2 tính theo N.
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2025.03.25.52/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu[®] : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa trạm cấp nước Suối Sập – CNCN Yên Châu
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
01	Mùi, vị(*)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023
02	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	mg/l	< 0,12	0,3	SMEWW 4500- NH ₄ ⁺ E:2017
03	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/l	KPH (Lod: 0,00337)	0,02	TCCS HD – 03/01
04	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,003	TCCS HD – 02/01
05	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,1	TCCS HD – 01/01
06	Natri (Na) (*)	mg/l	4,57	200	SMEWW 3500 Na: 2017
07	Nhôm (Al) (*)	mg/l	0,104	0,2	SMEWW 3125B:2017
08	Seleni (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
09	Sunfat (SO ₄ ²⁻)(*)	mg/l	11,7	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E:2017
10	Benzen(*)	µg/l	< 0,30	10	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
11	Etylbenzen(*)	µg/l	< 9,0	300	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
12	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	µg/l	< 0,15	1	NIOEH.HD.H.PP.44:20 22
13	Styren(*)	µg/l	< 5,0	20	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
14	Toluen(*)	µg/l	< 9,0	700	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003

15	Xylen(*)	µg/l	< 9,0	500	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
16	Carbofuran(*)	µg/l	< 0,01	5	EPA 531.2
17	Chlorpyrifos(*)	µg/l	< 0,01	30	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
18	Cyanazine(*)	µg/l	< 0,016	0,6	US EPA 525.3
19	DDT và dẫn xuất(*)	µg/l	< 0,016	1	TCVN 7876:2008
20	Hydroxyatrazine(*)	µg/l	<0,081	200	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
21	MCPA(*)	µg/l	< 0,35	2	NIOEH.HD.H.PP. 121:2023
22	Permethrin(*)	µg/l	<0,05	20	NIOEH.HD.H.PP. 119:2023
23	Propanil(*)	µg/l	< 0,1	20	NIOEH.HD.H.PP. 114:2023
24	Bromodichloromethane(*)	µg/l	0,93	60	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
25	Bromoform (Bromofoc) (*)	µg/l	0,80	100	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
26	Cloroform (Clorofoc)(*)	µg/l	< 0,20	300	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
27	Dibromoacetonitrile(*)	µg/l	< 0,001	70	EPA 551.1
28	Dibromochloromethane(*)	µg/l	< 0,07	100	NIOEH.HD.H.PP.115:2023

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025
Giám đốc

Thư nghiệm viên

Kiểm soát



Điền Thị Thương

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 157/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Yên Châu

Vị trí lấy mẫu : Vòi nước sinh hoạt nhà Bạc Đức Tuấn – TK3 – TT Yên Châu

Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 29/T03/2025

Số lượng mẫu : 01

Biên bản giao mẫu : Số 157/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025

Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
Các thông số nhóm A					
1	Độ đục	NTU	0.17	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	< 3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.14	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.47	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019
Các thông số nhóm B					
1	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	291	300	TCVN 6224:1996
2	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod: 0.024</i>	0.05	TCVN 6178:1996
3	Pecmanganat	mg/L	0.50	2	TCVN 6186: 1996
4	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod: 0.1</i>	0.3	TCVN 6177:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	0.51	2	TCVN 6180:1996

6	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	0	<1	SMEWW 9213B:2017
7	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	0	<1	TCVN 8881:2011

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc





Nguyễn Hoàng Lâm

Đỗ Quang Phương

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Lod của NO₂ tính theo N.
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2025.03.25.60/TN



Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt giữa mạng lưới CNCN Yên Châu (vòi nước sinh hoạt nhà Bạc Đức Tuấn – TK 3 – trị trấn Yên Châu – huyện Yên Châu)
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
01	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
02	Mùi, vị(*)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023
03	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	mg/l	< 0,12	0,3	SMEWW 4500- NH ₄ ⁺ E:2017
04	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/l	KPH (Lod: 0,00337)	0,02	TCCS HD – 03/01
05	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,003	TCCS HD – 02/01
06	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,1	TCCS HD – 01/01
07	Natri (Na) (*)	mg/l	5,04	200	SMEWW 3500 Na: 2017
08	Nhôm (Al) (*)	mg/l	0,103	0,2	SMEWW 3125B:2017
09	Seleni (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
10	Sunfat (SO ₄ ²⁻)(*)	mg/l	<10	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E:2017
11	Benzen(*)	µg/l	< 0,30	10	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
12	Etylbenzen(*)	µg/l	< 9,0	300	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
13	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	µg/l	< 0,15	1	NIOEH.HD.H.PP.44:202 2

14	Styren(*)	µg/l	< 5,0	20	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
15	Toluen(*)	µg/l	< 9,0	700	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
16	Xylen(*)	µg/l	< 9,0	500	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
17	Carbofuran(*)	µg/l	< 0,01	5	EPA 531.2
18	Chlorpyrifos(*)	µg/l	< 0,01	30	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
19	Cyanazine(*)	µg/l	< 0,016	0,6	US EPA 525.3
20	DDT và dẫn xuất(*)	µg/l	< 0,016	1	TCVN 7876:2008
21	Hydroxyatrazine(*)	µg/l	< 0,081	200	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
22	MCPA(*)	µg/l	< 0,35	2	NIOEH.HD.H.PP. 121:2023
23	Permethrin(*)	µg/l	< 0,05	20	NIOEH.HD.H.PP. 119:2023
24	Propanil(*)	µg/l	< 0,1	20	NIOEH.HD.H.PP. 114:2023
25	Bromodichloromethane(*)	µg/l	0,81	60	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
26	Bromoform (Bromofoc)(*)	µg/l	0,72	100	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
27	Cloroform (Clorofoc)(*)	µg/l	< 0,20	300	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
28	Dibromoacetonitrile(*)	µg/l	< 0,001	70	EPA 551.1
29	Dibromochloromethane(*)	µg/l	< 0,07	100	NIOEH.HD.H.PP.115:2023

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người thực hiện

Kiểm soát

Giám đốc

Điêu Thị Thương

Phạm Văn Thế



Điêu Thị Thương

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). Lođ: giới hạn phát hiện của phương pháp. Loq: giới hạn định lượng của phương pháp pháp "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 158/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Yên Châu
 Vị trí lấy mẫu : Vòi nước sinh hoạt nhà Phạm Quang Tập – TK4 – TT Yên Châu
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 30/T03/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 158/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Ngày phân tích : 11-12/03/2025



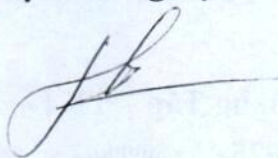
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
Các thông số nhóm A					
1	Độ đục	NTU	0.17	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	< 3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.10	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.39	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019
Các thông số nhóm B					
1	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	282	300	TCVN 6224:1996
2	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod: 0.024</i>	0.05	TCVN 6178:1996
3	Pecmanganat	mg/L	1.60	2	TCVN 6186: 1996
4	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod: 0.1</i>	0.3	TCVN 6177:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	0.63	2	TCVN 6180:1996

6	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	0	<1	SMEWW 9213B:2017
7	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	0	<1	TCVN 8881:2011

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**



Nguyễn Hoàng Lâm

Kiểm soát



Đỗ Quang Phương

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Lơđ của NO₂ tính theo N.
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2025.03.25.61/TN



Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
Loại mẫu : Nước sinh hoạt cuối mạng lưới CNCN Yên Châu (vòi nước sinh hoạt nhà Phạm Quang Tập – TK 4 – trị trấn Yên Châu – huyện Yên Châu)
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
01	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
02	Mùi, vị(*)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023
03	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	mg/l	< 0,12	0,3	SMEWW 4500- NH ₄ ⁺ E:2017
04	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/l	KPH (Lod: 0,00337)	0,02	TCCS HD – 03/01
05	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,003	TCCS HD – 02/01
06	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,1	TCCS HD – 01/01
07	Natri (Na) (*)	mg/l	4,80	200	SMEWW 3500 Na: 2017
08	Nhôm (Al) (*)	mg/l	0,095	0,2	SMEWW 3125B:2017
09	Seleni (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
10	Sunfat (SO ₄ ²⁻)(*)	mg/l	<10	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E:2017
11	Benzen(*)	µg/l	< 0,30	10	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
12	Etylbenzen(*)	µg/l	< 9,0	300	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
13	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	µg/l	< 0,15	1	NIOEH.HD.H.PP.44:202 2

14	Styren(*)	µg/l	< 5,0	20	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
15	Toluen(*)	µg/l	< 9,0	700	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
16	Xylen(*)	µg/l	< 9,0	500	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
17	Carbofuran(*)	µg/l	< 0,01	5	EPA 531.2
18	Chlorpyrifos(*)	µg/l	< 0,01	30	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
19	Cyanazine(*)	µg/l	< 0,016	0,6	US EPA 525.3
20	DDT và dẫn xuất(*)	µg/l	< 0,016	1	TCVN 7876:2008
21	Hydroxyatrazine(*)	µg/l	< 0,081	200	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
22	MCPA(*)	µg/l	< 0,35	2	NIOEH.HD.H.PP. 121:2023
23	Permethrin(*)	µg/l	< 0,05	20	NIOEH.HD.H.PP. 119:2023
24	Propanil(*)	µg/l	< 0,1	20	NIOEH.HD.H.PP. 114:2023
25	Bromodicloromethane(*)	µg/l	0,91	60	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
26	Bromoform (Bromofoc)(*)	µg/l	0,80	100	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
27	Cloroform (Clorofoc)(*)	µg/l	< 0,20	300	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
28	Dibromoacetonitrile(*)	µg/l	< 0,001	70	EPA 551.1
29	Dibromochloromethane(*)	µg/l	< 0,07	100	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người thực hiện

Kiểm soát

Giám đốc

Điền Thị Thương

Phạm Văn Thế



Điền Thị Thương

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). Lod: giới hạn phát hiện của phương pháp. Loq: giới hạn định lượng của phương pháp. "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 129/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước Mai Sơn
 Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Trạm cấp nước Nà Sản
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 01/T03/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 129/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Ngày phân tích : 11-12/03/2025



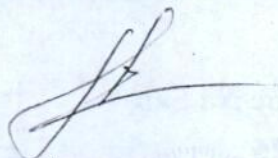
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
Các thông số nhóm A					
1	Độ đục	NTU	0.43	2	TCVN6184:2008
2	Màu sắc	TCU	< 3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	6.87	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.49	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019
Các thông số nhóm B					
1	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	298	300	TCVN 6224:1996
2	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod: 0.024</i>	0.05	TCVN 6178:1996
3	Pecmanganat	mg/L	0.91	2	TCVN 6186: 1996
4	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod: 0.1</i>	0.3	TCVN 6177:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	0.82	2	TCVN 6180:1996

6	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	0	<1	SMEWW 9213B:2017
7	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	0	<1	TCVN 8881:2011

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**



Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát



Đỗ Quang Phương

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Lơđ của NO₂ tính theo N.
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2025.03.25.49/TN



Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La

Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La

Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa Trạm cấp nước Nà Sản – XNCN Mai Sơn

Số lượng mẫu : 01

Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
01	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
02	Mùi, vị(*)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023
03	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	mg/l	< 0,12	0,3	SMEWW 4500- NH ₄ ⁺ E:2017
04	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/l	KPH (Lod: 0,00337)	0,02	TCCS HD – 03/01
05	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,003	TCCS HD – 02/01
06	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,1	TCCS HD – 01/01
07	Natri (Na) (*)	mg/l	4,55	200	SMEWW 3500 Na: 2017
08	Nhôm (Al) (*)	mg/l	0,108	0,2	SMEWW 3125B:2017
09	Seleni (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
10	Sunfat (SO ₄ ²⁻)(*)	mg/l	11,4	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E:2017
11	Benzen(*)	µg/l	< 0,30	10	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
12	Etylbenzen(*)	µg/l	< 9,0	300	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
13	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	µg/l	< 0,15	1	NIOEH.HD.H.PP.44:202 2

14	Styren(*)	µg/l	< 5,0	20	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
15	Toluen(*)	µg/l	< 9,0	700	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
16	Xylen(*)	µg/l	< 9,0	500	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
17	Carbofuran(*)	µg/l	< 0,01	5	EPA 531.2
18	Chlorpyrifos(*)	µg/l	< 0,01	30	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
19	Cyanazine(*)	µg/l	< 0,016	0,6	US EPA 525.3
20	DDT và dẫn xuất(*)	µg/l	< 0,016	1	TCVN 7876:2008
21	Hydroxyatrazine(*)	µg/l	<0,081	200	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
22	MCPA(*)	µg/l	< 0,35	2	NIOEH.HD.H.PP. 121:2023
23	Permethrin(*)	µg/l	<0,05	20	NIOEH.HD.H.PP. 119:2023
24	Propanil(*)	µg/l	< 0,1	20	NIOEH.HD.H.PP. 114:2023
25	Bromodichloromethane(*)	µg/l	0,90	60	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
26	Bromoform (Bromofoc)(*)	µg/l	0,79	100	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
27	Cloroform (Clorofoc)(*)	µg/l	< 0,20	300	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
28	Dibromoacetonitrile(*)	µg/l	< 0,001	70	EPA 551.1
29	Dibromochloromethane(*)	µg/l	< 0,07	100	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người thực hiện

Kiểm soát

Giám đốc

Điêu Thị Thương

Phạm Văn Thế



Điêu Thị Thương

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). Loq: giới hạn phát hiện của phương pháp pháp "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 130/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước Mai Sơn
 Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Trạm chính Mai Sơn
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 02/T03/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 130/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
Các thông số nhóm A					
1	Độ đục	NTU	0.08	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	< 3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.16	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.44	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019
Các thông số nhóm B					
1	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	207	300	TCVN 6224:1996
2	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod: 0.024</i>	0.05	TCVN 6178:1996
3	Pecmanganat	mg/L	1.60	2	TCVN 6186: 1996
4	Sắt	mg/L	0.1	0.3	TCVN 6177:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	1.45	2	TCVN 6180:1996

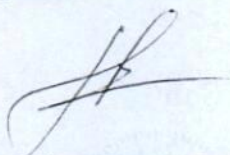
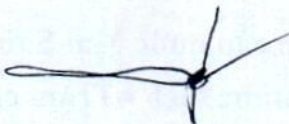
6	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	0	<1	SMEWW 9213B:2017
7	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	0	<1	TCVN 8881:2011

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc


Nguyễn Hoàng Lâm

Đỗ Quang Phương

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Lod của NO₂ tính theo N.
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2025.03.25.50/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa trạm cấp nước Chính Mai Sơn – XNCN Mai Sơn
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

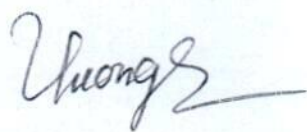
TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
01	Mùi, vị(*)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023
02	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)(*)	mg/l	< 0,12	0,3	SMEWW 4500- NH_4^+ E:2017
03	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/l	KPH (Lod: 0,00337)	0,02	TCCS HD – 03/01
04	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,003	TCCS HD – 02/01
05	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,1	TCCS HD – 01/01
06	Natri (Na) (*)	mg/l	4,86	200	SMEWW 3500 Na: 2017
07	Nhôm (Al) (*)	mg/l	0,108	0,2	SMEWW 3125B:2017
08	Seleni (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
09	Sunfat (SO_4^{2-})(*)	mg/l	11,4	250	SMEWW 4500 SO_4^{2-} E:2017
10	Benzen(*)	µg/l	< 0,30	10	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
11	Etylbenzen(*)	µg/l	< 9,0	300	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
12	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	µg/l	< 0,15	1	NIOEH.HD.H.PP.44:20 22
13	Styren(*)	µg/l	< 5,0	20	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
14	Toluen(*)	µg/l	< 9,0	700	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003

15	Xylen(*)	µg/l	< 9,0	500	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
16	Carbofuran(*)	µg/l	< 0,01	5	EPA 531.2
17	Chlorpyrifos(*)	µg/l	< 0,01	30	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
18	Cyanazine(*)	µg/l	< 0,016	0,6	US EPA 525.3
19	DDT và dẫn xuất(*)	µg/l	< 0,016	1	TCVN 7876:2008
20	Hydroxyatrazine(*)	µg/l	<0,081	200	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
21	MCPA(*)	µg/l	< 0,35	2	NIOEH.HD.H.PP. 121:2023
22	Permethrin(*)	µg/l	<0,05	20	NIOEH.HD.H.PP. 119:2023
23	Propanil(*)	µg/l	< 0,1	20	NIOEH.HD.H.PP. 114:2023
24	Bromodicloromethane(*)	µg/l	0,91	60	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
25	Bromoform (Bromofoc) (*)	µg/l	0,83	100	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
26	Cloroform (Clorofoc)(*)	µg/l	< 0,20	300	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
27	Dibromoacetonitrile(*)	µg/l	< 0,001	70	EPA 551.1
28	Dibromochloromethane(*)	µg/l	< 0,07	100	NIOEH.HD.H.PP.115:2023

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025
Giám đốc







Điêu Thị Thương

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 131/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước Mai Sơn
Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Trạm cấp nước Cò Nòi
Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 03/T03/2025
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 131/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
Ngày phân tích : 11-12/03/2025



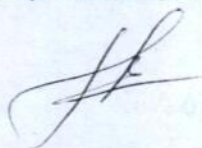
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
Các thông số nhóm A					
1	Độ đục	NTU	1.38	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	14.33	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.16	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.30	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019
Các thông số nhóm B					
1	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	282	300	TCVN 6224:1996
2	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod: 0.024</i>	0.05	TCVN 6178:1996
3	Pecmanganat	mg/L	0.99	2	TCVN 6186: 1996
4	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod: 0.1</i>	0.3	TCVN 6177:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	1.54	2	TCVN 6180:1996

6	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	0	<1	SMEWW 9213B:2017
7	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	0	<1	TCVN 8881:2011

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**



Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát



Đỗ Quang Phương



P. Tổng giám đốc

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Lơđ của NO₂ tính theo N.
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
SỐ : 2025.03.25.48/TN



Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa Trạm cấp nước Cò Nòi – XNCN Mai Sơn
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
01	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
02	Mùi, vị(*)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023
03	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	mg/l	< 0,12	0,3	SMEWW 4500- NH ₄ ⁺ E:2017
04	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/l	KPH (Lod: 0,00337)	0,02	TCCS HD – 03/01
05	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,003	TCCS HD – 02/01
06	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,1	TCCS HD – 01/01
07	Natri (Na) (*)	mg/l	5,12	200	SMEWW 3500 Na: 2017
08	Nhôm (Al) (*)	mg/l	0,103	0,2	SMEWW 3125B:2017
09	Seleni (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
10	Sunfat (SO ₄ ²⁻)(*)	mg/l	<10	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E:2017
11	Benzen(*)	µg/l	< 0,30	10	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
12	Etylbenzen(*)	µg/l	< 9,0	300	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
13	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	µg/l	< 0,15	1	NIOEH.HD.H.PP.44:202 2

14	Styren(*)	µg/l	< 5,0	20	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
15	Toluen(*)	µg/l	< 9,0	700	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
16	Xylen(*)	µg/l	< 9,0	500	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
17	Carbofuran(*)	µg/l	< 0,01	5	EPA 531.2
18	Chlorpyrifos(*)	µg/l	< 0,01	30	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
19	Cyanazine(*)	µg/l	< 0,016	0,6	US EPA 525.3
20	DDT và dẫn xuất(*)	µg/l	< 0,016	1	TCVN 7876:2008
21	Hydroxyatrazine(*)	µg/l	<0,081	200	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
22	MCPA(*)	µg/l	< 0,35	2	NIOEH.HD.H.PP. 121:2023
23	Permethrin(*)	µg/l	<0,05	20	NIOEH.HD.H.PP. 119:2023
24	Propanil(*)	µg/l	< 0,1	20	NIOEH.HD.H.PP. 114:2023
25	Bromodichloromethane(*)	µg/l	0,96	60	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
26	Bromoform (Bromofoc)(*)	µg/l	0,84	100	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
27	Cloroform (Clorofoc)(*)	µg/l	< 0,20	300	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
28	Dibromoacetonitrile(*)	µg/l	< 0,001	70	EPA 551.1
29	Dibromochloromethane(*)	µg/l	< 0,07	100	NIOEH.HD.H.PP.115:2023

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người thực hiện

Kiểm soát

Giám đốc

Thương

Phạm Văn Thế



Điền Thị Thương

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). Lod: giới hạn phát hiện của phương pháp. Loq: giới hạn định lượng của phương pháp pháp "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 132/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước Mai Sơn
 Vị trí lấy mẫu : Vòi nước sinh hoạt nhà Nguyễn Bảo Chung – TK21- TT Hát Lót
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 04/T03/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 132/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
Các thông số nhóm A					
1	Độ đục	NTU	0.12	2	TCVN6184:2008
2	Màu sắc	TCU	< 3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.22	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.38	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019
Các thông số nhóm B					
1	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	191	300	TCVN 6224:1996
2	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod: 0.024</i>	0.05	TCVN 6178:1996
3	Pecmanganat	mg/L	1.17	2	TCVN 6186: 1996
4	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod: 0.1</i>	0.3	TCVN 6177:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	1.55	2	TCVN 6180:1996

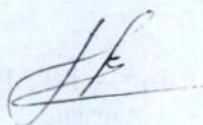
6	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	0	<1	SMEWW 9213B:2017
7	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	0	<1	TCVN 8881:2011

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc





Nguyễn Hoàng Lâm

Đỗ Quang Phương

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Load của NO_2 tính theo N.
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2025.03.25.58/TN



Tên đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La

Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La

Loại mẫu : Nước sinh hoạt giữa mạng lưới XNCN Mai Sơn (vòi nước sinh hoạt nhà Nguyễn Bảo Chung – TK 21 – trị trấn Hát Lót – huyện Mai Sơn)

Số lượng mẫu : 01

Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
01	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
02	Mùi, vị(*)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023
03	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	mg/l	< 0,12	0,3	SMEWW 4500- NH ₄ ⁺ E:2017
04	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/l	KPH (Lod: 0,00337)	0,02	TCCS HD – 03/01
05	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,003	TCCS HD – 02/01
06	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,1	TCCS HD – 01/01
07	Natri (Na) (*)	mg/l	5,12	200	SMEWW 3500 Na: 2017
08	Nhôm (Al) (*)	mg/l	0,103	0,2	SMEWW 3125B:2017
09	Seleni (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
10	Sunfat (SO ₄ ²⁻)(*)	mg/l	<10	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E:2017
11	Benzen(*)	µg/l	< 0,30	10	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
12	Etylbenzen(*)	µg/l	< 9,0	300	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
13	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	µg/l	< 0,15	1	NIOEH.HD.H.PP.44:202 2

14	Styren(*)	µg/l	< 5,0	20	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
15	Toluen(*)	µg/l	< 9,0	700	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
16	Xylen(*)	µg/l	< 9,0	500	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
17	Carbofuran(*)	µg/l	< 0,01	5	EPA 531.2
18	Chlorpyrifos(*)	µg/l	< 0,01	30	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
19	Cyanazine(*)	µg/l	< 0,016	0,6	US EPA 525.3
20	DDT và dẫn xuất(*)	µg/l	< 0,016	1	TCVN 7876:2008
21	Hydroxyatrazine(*)	µg/l	<0,081	200	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
22	MCPA(*)	µg/l	< 0,35	2	NIOEH.HD.H.PP. 121:2023
23	Permethrin(*)	µg/l	< 0,05	20	NIOEH.HD.H.PP. 119:2023
24	Propanil(*)	µg/l	< 0,1	20	NIOEH.HD.H.PP. 114:2023
25	Bromodichloromethane(*)	µg/l	0,96	60	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
26	Bromoform (Bromofoc)(*)	µg/l	0,84	100	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
27	Cloroform (Clorofoc)(*)	µg/l	< 0,20	300	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
28	Dibromoacetonitrile(*)	µg/l	< 0,001	70	EPA 551.1
29	Dibromochloromethane(*)	µg/l	< 0,07	100	NIOEH.HD.H.PP.115:2023

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người thực hiện

Kiểm soát

Giám đốc

(Signature)

(Signature)



Điền Thị Thương

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). Loq: giới hạn phát hiện của phương pháp pháp "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 133/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước Mai Sơn
 Vị trí lấy mẫu : Vòi nước SH nhà Lò Văn Cuộc – TK26/3 – Cò Nồi - TT Hát Lót
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 05/T03/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 133/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
Các thông số nhóm A					
1	Độ đục	NTU	0.57	2	TCVN6184:2008
2	Màu sắc	TCU	<3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.12	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.34	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019
Các thông số nhóm B					
1	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	248	300	TCVN 6224:1996
2	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod: 0.024</i>	0.05	TCVN 6178:1996
3	Pecmanganat	mg/L	0.59	2	TCVN 6186: 1996
4	Sắt	mg/L	KPH <i>Lod: 0.1</i>	0.3	TCVN 6177:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	1.30	2	TCVN 6180:1996
6	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	0	<1	SMEWW 9123B:2017

7	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	0	<1	TCVN 8881:2011
---	--------------------	---------------	---	----	----------------

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**



Nguyễn Hoàng Lâm

Kiểm soát



Đỗ Quang Phụng

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Lod của NO₂ tính theo N.
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số : 2025.03.25.59/TN



Tên đơn vị yêu cầu[®]: Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt cuối mạng lưới XNCN Mai Sơn (vòi nước sinh hoạt nhà Lò Văn Cuộc – TK 26/3 – xã Cò Nòi – huyện Mai Sơn)
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 2025.03.11/BBGM. Ngày 11 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
01	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
02	Mùi, vị(*)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150-B 2023
03	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	mg/l	< 0,12	0,3	SMEWW 4500- NH ₄ ⁺ E:2017
04	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/l	KPH (Lod: 0,00337)	0,02	TCCS HD – 03/01
05	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,003	TCCS HD – 02/01
06	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,1	TCCS HD – 01/01
07	Natri (Na) (*)	mg/l	4,88	200	SMEWW 3500 Na: 2017
08	Nhôm (Al) (*)	mg/l	0,091	0,2	SMEWW 3125B:2017
09	Seleni (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
10	Sunfat (SO ₄ ²⁻)(*)	mg/l	<10	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E:2017
11	Benzen(*)	µg/l	< 0,30	10	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
12	Etylbenzen(*)	µg/l	< 9,0	300	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
13	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	µg/l	< 0,15	1	NIOEH.HD.H.PP.44:202 2

14	Styren(*)	µg/l	< 5,0	20	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
15	Toluen(*)	µg/l	< 9,0	700	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
16	Xylen(*)	µg/l	< 9,0	500	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
17	Carbofuran(*)	µg/l	< 0,01	5	EPA 531.2
18	Chlorpyrifos(*)	µg/l	< 0,01	30	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
19	Cyanazine(*)	µg/l	< 0,016	0,6	US EPA 525.3
20	DDT và dẫn xuất(*)	µg/l	< 0,016	1	TCVN 7876:2008
21	Hydroxyatrazine(*)	µg/l	<0,081	200	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
22	MCPA(*)	µg/l	< 0,35	2	NIOEH.HD.H.PP. 121:2023
23	Permethrin(*)	µg/l	< 0,05	20	NIOEH.HD.H.PP. 119:2023
24	Propanil(*)	µg/l	< 0,1	20	NIOEH.HD.H.PP. 114:2023
25	Bromodicloromethane(*)	µg/l	0,87	60	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
26	Bromoform (Bromofoc) (*)	µg/l	0,79	100	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
27	Cloroform (Clorofoc)(*)	µg/l	< 0,20	300	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
28	Dibromoacetonitrile(*)	µg/l	< 0,001	70	EPA 551.1
29	Dibromochloromethane(*)	µg/l	< 0,07	100	NIOEH.HD.H.PP.115:2023

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người thực hiện

Kiểm soát

Giám đốc

Điền Thị Thương

Phạm Văn Thế



Điền Thị Thương

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). Lođ: giới hạn phát hiện của phương pháp. Loq: giới hạn định lượng của phương pháp pháp "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 201/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần VBIC Sơn La

Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Nhà máy nước Nậm La

Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 73/T03/2025

Số lượng mẫu : 01

Biên bản giao mẫu : Số 201/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025

Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.29	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	<3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.14	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.52	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 14 tháng 02 năm 2025

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc

Nguyễn Hoàng Lâm

Đỗ Quang Phương

Phạm Ngọc Dũng



Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 202/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần VBIC Sơn La
Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Nhà máy nước Bản Mòng
Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 74/T03/2025
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 202/BB ngày 10 tháng 03 năm 2025
Ngày phân tích : 11-12/03/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.29	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	< 3.7 <i>Lod: 3.7</i>	15	SMEWW 2120C:2017
3	Chỉ số pH	-	7.13	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
4	Clo dư	mg/L	0.45	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
5	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
6	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

Sơn La, ngày 13 tháng 03 năm 2025



P. Tổng giám đốc

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.